|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** **HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 333 /TTr-UBND | *Sa Thầy, ngày 15 tháng 12 năm 2016* |

# TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững**

**huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020**

## Kính gửi: Hội đồng nhân huyện Sa Thầy.

­Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015,

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 06/9/2016 của Huyện ủy Sa Thầy – Hội nghị lần thứ năm BCH Đảng bộ Huyện khóa XVI về phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020, UBND huyện xây dựng “Đề án phát triển nông nghiệp bền vững huyện Sa Thầy giai đoạn 2016 - 2020”, với nội dung cơ bản sau:

**1. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án**

Huyện Sa Thầy nằm ở phía Tây nam tỉnh Kon Tum có diện tích tự nhiên 143.522,3 ha, trong đó đất nông nghiệp 22.426,66 ha, dân số 48.257 người. Là huyện có tiềm năng, lợi thế về phát triển nông nghiệp, đây là thế mạnh để xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội; là động lực phát triển các ngành kinh tế khác, nâng cao đời sống nhân dân.

Xác định nông nghiệp là lĩnh vực then chốt, yếu tố quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện. Trong những năm qua Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã ban hành, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều nghị quyết, đề án phát triển nông nghiệp nhằm thay đổi phương thức sản xuất truyền thống chuyển dần sang phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật, tăng năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi và giá trị sản xuất nông nghiệp trên đơn vị diện tích, từ đó góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân trong huyện. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tích cực, tổng thu nhập ngành trồng trọt đạt 271,079 tỷ/năm. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện vẫn còn nhiều hạn chế: Kinh tế nông nghiệp tăng trưởng nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện, thiếu tính bền vững, đất đai manh mún, phân tán không theo quy hoạch, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, quy mô sản xuất hàng hóa chậm, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh, trình độ sản xuất thủ công thấp, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

Để tận dụng được tối đa nguồn tài nguyên thuận lợi và nhân lực lao động sẵn có của huyện, đồng thời phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa thì đòi hỏi phải có một nền nông nghiệp bền vững và hiện đại. Để phát huy được thế mạnh đó, việc xây dựng và triển khai thực hiện Đề án "Phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Sa Thầy” là hết sức cần thiết.

**2. Căn cứ pháp lý để xây dựng Đề án**

- Luật Đất đai năm 2013;

­- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị tăng và phát triển bền vững;

- Thông tư số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí nhà nước đối với hoạt động khuyến nông;

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 11/8/2015 Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI nhiệm kỳ 2016- 2021;

- Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 06/9/2016 của Huyện ủy Sa Thầy – Hội nghị lần thứ năm BCH Đảng bộ Huyện khóa XVI về phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Căn cứ tình hình thực tế về phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện.

**3. Quy trình chuẩn bị Dự thảo Đề án**

Đề án phát triển nông nghiệp bền vững huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020 được UBND huyện giao cho phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tham mưu xây dựng và đã chỉnh sửa, bổ sung theo các ý kiến góp ý của các Sở, ngành chuyên môn, thành viên UBND huyện, UBND các xã, thị trấn và các đồng chí nguyên lãnh đạo Huyện ủy, UBND huyện thông qua các văn bản, các cuộc họp sau:

- Công văn số 1242/UBND-TH ngày 24/10/2016 của UBND huyện về việc tham gia ý kiến dự thảo các Đề án của UBND huyện.

- Công văn số 1357/UBND-TH ngày 14/11/2016 của UBND huyện về việc đề nghị tham gia góp ý dự thảo Đề án phát triển nông nghiệp bền vững huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020.

- Công văn số 1429/UBND-TH ngày 28/11/2016 của UBND huyện về việc đề nghị tham gia góp ý các nội dung chuẩn bị thông qua kỳ họp thứ 3 HĐND huyện, khóa X, nhiệm kỳ 2016-2021.

- Thông qua cuộc họp thành viên UBND huyện mở rộng vào các ngày 25/11/2016 và ngày 01/12/2016.

**4. Nội dung chủ yếu của Đề án**

**4.1. Mục tiêu**

Phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, hiệu quả, bền vững. Phát huy lợi thế từng vùng; hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, vùng nông nghiệp có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả cao trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật và gắn với thị trường. Phát triển mạnh chăn nuôi, thuỷ sản gắn với an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường; khai thác hiệu quả đất đai, trong đó chú trọng vùng chưa sản xuất hoặc sản xuất không hiệu quả, vùng đã đầu tư các công trình thủy lợi, lòng hồ thủy điện.

Tăng đầu tư, hỗ trợ cho nông nghiệp, trong đó tập trung hỗ trợ phát triển cây công nghiệp dài ngày, cây công nghiệp ngắn ngày; hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc, tạo điều kiện để phát triển các trang trại theo hướng tập trung; hỗ trợ kết nối thị trường, bao tiêu sản phẩm. Đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội cho nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển của huyện.

Phấn đấu đến năm 2020 đạt một số chỉ tiêu:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân trên 10,93%/năm.

- Tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của huyện 35%. Trong đó: Tỷ trọng ngành trồng trọt 87%; chăn nuôi 11%; thủy sản *2%.*

*-* Thu nhập bình quân đầu người đạt 40 triệu đồng/năm; ổn định việc làm cho 16.000 đến 22.000 lao động.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4-5%/năm.

- Chỉ tiêu về nông nghiệp:

+ Trồng trọt: Diện tích gieo trồng, năng suất bình quân một số cây trồng chủ yếu: Lúa nước vụ Đông xuân 700 ha, năng suất đạt 6,5 tấn/ha; lúa nước vụ mùa 800 ha, năng suất đạt 5,2 tấn/ha; ngô 900 ha, năng suất đạt 5 tấn/ha; sắn 8.000 ha, năng suất đạt 16 tấn/ha; cao su 11.600 ha;năng suất đạt 1,6 tấn/ha; cà phê 1.340 ha, năng suất đạt 2,5 tấn/ha; mía 300 ha, năng suất đạt 65 tấn/ha; bời lời 3.000 ha, độ che phủ rừng đạt 68%.

+ Chăn nuôi: Tổng đàn trâu 700 con, đàn bò. 8.000 con (*trong đó đàn bò được lai hóa chiếm trên 50% tổng đàn*), đàn lợn 15.000 con, gia cầm 56.000 con. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản là 70 ha.

**5. Các giải pháp thực hiện**

**5.1. Tuyên truyền, vận động**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động với mọi hình thức phong phú để nhân dân nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển nông nghiệp bền vững; xác định vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc phát triển nông nghiệp là yếu tố quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội và nâng cao đời sống của người dân nông thôn.

- Thường xuyên đăng tin, bài, các chuyên mục về thành tựu nghiên cứu, ứng dụng, mô hình và sản phẩm nông nghiệp có hiệu quả trên địa bàn huyện trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân biết, tham khảo học tập và ứng dụng.

**5.2. Quy hoạch**

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 gắn với quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh Kon Tum và công nghiệp chế biến nông sản của huyện; xác định lợi thế từng vùng hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

**5.3. Quản lý đất đai**

Tăng cường công tác quản lý đất đai và rà soát lại quỹ đất hiện có để xây dựng kế hoạch sử dụng đất có hiệu quả. Đẩy mạnh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quản lý tốt các dữ liệu về đất đai và việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Khuyến kích tích tụ, thuê đất để tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp, từng bước hình thành một số khu sản xuất tập trung lớn có tính lan tỏa và nhân rộng trên địa bàn huyện.Tăng cường công tác vận động nhân dân đầu tư phát triển nông nghiệp, trong đó thông qua hình thức góp vốn, góp quyền sử dụng đất, tạo được mối liên hệ có lợi giữa người dân và doanh nghiệp.

**5.4. Khoa học & Công nghệ**

-Chú trọng ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; rà soát việc sử dụng giống, quy trình canh tác để có kế hoạch sản xuất cho phù hợp. Tăng cường công tác thâm canh, tăng năng suất cây trồng. Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp có tiềm năng về vốn, khoa học để đầu tư trên địa bàn, tạo được một số cánh đồng mẫu lớn, có năng suất chất lượng cạnh tranh cao và có đầu ra ổn định.

- Đẩy mạnh việc đầu tư chuyển giao khoa học kỹ thật; xây dựng các mô hình khuyến nông, khuyến lâm, hình thành các mô hình ứng dụng trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi để tạo điều kiện phát triển ngành nông nghiệp của huyện theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Tăng cường cơ giới hóa trong nông nghiệp và chế biến sau thu hoạch để tăng năng suất, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp của huyện.

- Tập trung các giải pháp thực hiện lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn các chương trình, dự án của Trung ương, tỉnh, huyện để hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp trong đó chú ý hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, phân bón để phát triển nông nghiệp; chuyển đổi sang trồng cây khác có hiệu quả, giá trị kinh tế cao hơn.

- Vận dụng tốt chính sách đầu tư để các doanh nghiệp đến đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và đầu tư cơ sở chế biến sản phẩm; tạo điều kiện kết nối thông tin thị trường để tránh rủi ro cho người sản xuất. Lồng ghép đầu tư, mở rộng, nâng cấp cơ sở hạ tầng của huyện, trong đó chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông, điện sản xuất, các công trình thủy lợi…

- Tạo điều kiện cho các hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại trên địa bàn để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và các doanh nghiệp có vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh; tăng cường hiệu quả hoạt động của Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện, giúp cho người nghèo tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi, phát triển sản xuất.

**5.5. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn**

- Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn; trong đó lồng ghép có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình về nông thôn mới; chương trình giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo gắn với nhu cầu đào tạo nghề; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư dạy nghề kết hợp với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, phát triển dịch vụ nông thôn để phát triển nông nghiệp, hình thành các làng nghề; thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho người nông dân về nông nghiệp, kỹ thuật chăm sóc cây trồng, ngành nghề nông thôn, thương mại dịch vụ sản xuất, bảo quản chế biến, tiêu thụ sản phẩm, lao động việc làm, kỹ năng quản lý kinh tế.

**6. Kinh phí thực hiện Đề án**

- Tổng kinh phí thực hiện Đề án là11.032,7 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 9.129,2 triệu đồng;

+ Vốn đối ứng tự có của dân, vốn vay ngân hàng: 1.903,5 triệu đồng.

- Phân kỳ nguồn ngân sách hỗ trợ

+ Năm 2017: 2.100 triệu đồng

+ Năm 2018: 2.673 triệu đồng

+ Năm 2019: 3.028 triệu đồng

+ Năm 2020: 3.231,7 triệu đồng

- Nguồn kinh phí thực hiện: Chương trình giảm nghèo bền vững: 10,2 tỷ đồng, nguồn kinh phí này giao hàng năm là 3,4 tỷ đồng, bố trí mỗi năm 1,5 tỷ để thực hiện Đề án. Ngân sách huyện (sự nghiệp kinh tế): 4 tỷ đồng, bình quân mỗi năm ngân sách huyện bố trí 01 tỷ đồng thực hiện đề án và huy động, lồng ghép các nguồn kinh phí khác để thực hiện.

(*Có Đề án kèm theo*)

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ ba (khóa X) nhiệm kỳ 2016-2021 để UBND huyện triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: VT-LT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **(Đã ký)**  **Nguyễn Hữu Thạnh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ ÁN**

**Phát triển nông nghiệp bền vững huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020**

**Phần thứ nhất**

**ĐẶT VẤN ĐỀ**

**I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN**

Huyện Sa Thầy nằm ở phía Tây nam tỉnh Kon Tum có diện tích tự nhiên 143.522,3 ha, trong đó đất nông nghiệp 22.426,66 ha, dân số 48.257 người. Là huyện có tiềm năng, lợi thế về phát triển nông nghiệp, đây là thế mạnh để xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội; là động lực phát triển các ngành kinh tế khác, nâng cao đời sống nhân dân.

Xác định nông nghiệp là lĩnh vực then chốt, yếu tố quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện. Trong những năm qua Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã ban hành, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều nghị quyết, đề án phát triển nông nghiệp nhằm thay đổi phương thức sản xuất truyền thống chuyển dần sang phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật, tăng năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi và giá trị sản xuất nông nghiệp trên đơn vị diện tích, từ đó góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân trong huyện. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tích cực, tổng thu nhập ngành trồng trọt đạt 271,079 tỷ/năm. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện vẫn còn nhiều hạn chế: Kinh tế nông nghiệp tăng trưởng nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện, thiếu tính bền vững, đất đai manh mún, phân tán không theo quy hoạch, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, quy mô sản xuất hàng hóa chậm, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh, trình độ sản xuất thủ công thấp, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

Để tận dụng được tối đa nguồn tài nguyên thuận lợi và nhân lực lao động sẵn có của huyện, đồng thời phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa thì đòi hỏi phải có một nền nông nghiệp bền vững và hiện đại. Để phát huy được thế mạnh đó, việc xây dựng và triển khai thực hiện Đề án "Phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Sa Thầy” là hết sức cần thiết.

**II. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Luật Đất đai năm 2013;

­- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí nhà nước đối với hoạt động khuyến nông;

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 11/8/2015 Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI nhiệm kỳ 2016- 2021;

- Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 06/9/2016 của Huyện ủy Sa Thầy – Hội nghị lần thứ năm BCH Đảng bộ Huyện khóa XVI về phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Căn cứ tình hình thực tế về phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện.

**Phần thứ hai**

**ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN- KINH TẾ- XÃ HỘI**

**1. Vị trí địa lý**

Sa Thầy là huyện biên giới nằm phía Tây Nam, cách thành phố Kon Tum gần 30km; sau khi tách huyện Sa Thầy để thành lập huyện Ia H’Drai, diện tích tự nhiên huyện còn 143.522,3ha, chiếm 14,83% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Huyện có 10 xã và 01 thị trấn. Phía Bắc giáp huyện Ngọc Hồi, phía Đông Bắc giáp huyện Đắk Tô, phía Đông (*từ Bắc xuống Nam*) lần lượt giáp huyện Đắk Hà và thành phố Kon Tum, phía Nam giáp huyện [Ia H'Drai](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ia_H%27Drai) của tỉnh Kon Tum và tỉnh [Gia Lai](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_Lai), phía Tây giáp với Vương quốc Campuchia.

Sa Thầy là nơi đầu nguồn sinh thuỷ của một số hệ thống sông, suối. Là nơi có diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn quan trọng nhất của thuỷ điện Ya Ly - một trọng những công trình trọng điểm Quốc gia, có ý nghĩa vô cùng to lớn trong cung cấp điện, cải tạo môi trường sinh thái, phát triển du lịch, phát triển nuôi cá lồng trên mặt hồ.

Hiện nay, Sa Thầy đang ở vào vị trí của một vùng khó khăn trong giao lưu và thu hút đầu tư, nhưng lại có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái.

**2. Điều kiện tự nhiên**

**2.1. Địa hình**

Huyện Sa Thầy nằm ở phía Tây dãy trường Sơn, địa hình có hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây, rất dốc ở phía Bắc và độ dốc thấp 2%-5% ở phía Nam. Được chia thành 3 dạng địa hình chính sau.

- Địa hình núi cao, độ cao trung bình so với mực nước biển từ 600-1777m. Điển hình là các đỉnh núi: Chư Mô Rây và Ngọc Tơ Lum… độ dốc trung bình từ 250 trở lên, . Đây là phần đất rừng cần phải được khoanh nuôi bảo vệ, trồng và khai thác rừng hợp lý, nhằm bảo vệ khu vực đầu nguồn của thuỷ điện Ya Ly.

- Địa hình đồi lượn sóng, bát úp có độ cao trung bình so với mặt nước biển từ 500-800m, độ dốc chủ yếu từ 8-150. Đây là nơi có nhiều khả năng để phát triển cây công nghiệp dài ngày, hoa màu và chăn nuôi đại gia súc.

- Địa hình bằng thung lũng hẹp và đất bồi tụ, có độ dốc từ 0-80. Đây là địa hình chủ yếu để phát triển các loại cây lương thực, thực phẩm, hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày.

Tóm lại, địa hình huyện Sa Thầy đã tạo ra những cảnh quan phong phú, đa dạng mang tính chất đặc thù của tiểu vùng, vừa mang tính đan xen và hoà nhập, đặc điểm đó ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành các tiểu vùng khí hậu, phân bố mạng lưới giao thông (nhiều đường nhánh, đường cụt), phân bố các đặc điểm dân cư, ảnh hưởng rất lớn đến chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, nước, giao thông, thông tin phát thanh truyền hình…). Song cũng có nhiều điều kiện thuận lợi về khả năng xây dựng các hồ, đập lớn, các vùng thấp trũng được bồi đắp thường xuyên tạo ra những cánh đồng màu mỡ, cây trồng có năng suất cao.

**2.2. Khí hậu**

Theo số liệu điều tra theo dõi khí tượng nhiều năm cho thấy, khí hậu của huyện chịu ảnh hưởng chung của khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai mùa rõ rệt; mùa hè nóng ẩm và mưa nhiều, mùa đông khô lạnh, mưa ít.

Tính chất nhiệt đới thể hiện theo đai cao cũng khá rõ ràng.

Tính chất nhiệt đới thể hiện theo mùa: Huyện Sa Thầy nói riêng, tỉnh Kon Tum nói chung khí hậu chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa chiếm hơn 90% cả năm. Mùa khô kéo dài 4 tháng từ tháng 12 đến tháng 3 trong đó có 1 tháng khô hạn, còn 2 tháng 11 và tháng 4 là tháng chuyển tiếp giữa 2 mùa.

Đặc điểm thời tiết: Nắng nóng vào mùa khô, mưa rào vào mùa mưa do ảnh hưởng bão và áp thấp nhiệt đới, mây mù trên đỉnh núi cao vào những ngày thời tiết nhiều mây.

**2.3. Thủy văn**

Huyện Sa Thầy có một hệ thống sông suối gồm 3 hệ suối chính, cả 3 hệ thống suối này là nguồn tụ thuỷ cung cấp nước cho huyện, vì các hệ suối này đều có nước chảy quanh năm, gồm:

- Hệ thống suối Ya Lân, Ya Mô chạy theo hướng Bắc Nam, đổ ra sông Nam Sa Thầy. Đây là hệ thống thuỷ văn chính của huyện.

- Hệ thống Đak Char, Ya Ray, theo hướng Tây Bắc Đông Nam, đổ ra Đak Sia.

- Hệ thống Đak Klong, Đak Kal, Đak Hơ Niang, chạy theo hướng Đông Bắc Tây Nam, đổ ra Đak Pơ Kô.

Sa Thầy có nhiều dự án thủy điện lớn nằm ven con sông Sê San như thủy điện Sê San III, thủy điện Ya Ly, thủy điện Pleikrong ...

Nhìn chung, các yếu tố khí hậu thời tiết và thủy văn cơ bản thuận lợi cho cây công nghiệp sinh trưởng và phát triển, cho phép bố trí đa dạng hoá cây công nghiệp. Đồng thời có nhiều thuận lợi trong việc thu hoạch, phơi sấy, bảo quản sản phẩm, giảm tỷ lệ thất thoát. Tuy nhiên, tình trạng thiếu nước cho sản xuất và đời sống của nhân dân trong mùa khô và lũ lụt gây xói mòn đất trong mùa mưa ảnh hưởng rất lớn đối với phát triển kinh tế – xã hội của huyện.

### 2.4. Tài nguyên đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 143.522,3ha, trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp chiếm khoảng 20,5% so với tổng diện tích tự nhiên và bao gồm các đối tượng cây trồng chủ lực là lúa, sắn, cao su và cà phê với diện tích và năng suất như sau:

- Cây lúa nước được gieo trồng chủ yếu trên đất phù sa ngoài suối (Py) và lúa nương được gieo trồng trên đất đồi gò, diện tích gieo trồng trong năm là 2.504 ha, trong đó diện tích lúa nương chiếm 40,5%, năng suất bình quân của lúa nước đạt 54,3 tạ/ha và lúa nương đạt 12,5 tạ/ha;

- Cây sắn được trồng chủ yếu trên đất đồi gò và phần ít diện tích trên đất bán ngập, diện tích gieo trồng trong năm là 7.464 ha và năng suất bình quân đạt 151,58 tạ/ha;

- Cây cà phê được trồng trên đất đồi nâu đỏ bazan (Fk) với diện tích 1.198 ha, trong đó diện tích cho sản phẩm chiếm 74,9% và năng suất bình quân đạt 27,5 tạ/ha;

- Cây cao su được trồng trên đất đồi gò với diện tích 11.932 ha, trong đó diện tích cho sản phẩm chiếm khoảng 47,5% và năng suất khô đạt 15,42 tạ/ha.

Nhìn chung vấn đề quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện Sa Thầy khá phù hợp nhưng chưa thật sự hiệu quả. Nguyên nhân chủ yếu là do trình độ dân trí và trình độ sản xuất của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, chưa nhận thức đúng đắn về giá trị lâu dài của nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái. Nhiều diện tích canh tác chưa áp dụng biện pháp đầu tư  thâm canh phân bón, áp dụng biện pháp canh tác đất dốc, luân canh, xen canh cây trồng để có tác dụng cải tạo đất, chống xói mòn, bạc màu đất, nhất là các cây trồng ngắn ngày như  sắn, ngô... hiệu quả thấp nhưng chậm chuyển đổi. Vì vậy trong giai đoạn tới cần có kế hoạch quản lý, sử dụng đất một cách hợp lý, hiệu quả và lâu dài theo hướng canh tác bền vững.

**3. Dân số và nguồn lao động**

Sa Thầy có 11 đơn vị hành chính với 01 thị trấn và 10 xã, dân số tính đến năm 2015 là 48.257 người; trong đó nam 24.399 người chiếm 50,6%, nữ 23.858 người chiếm 49,4%; đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 58,9%. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động 52,8%. Với cơ cấu dân số trẻ như hiện nay, đây là nguồn lao động dồi dào trong sản xuất nông nghiệp và sẽ là điều kiện tốt để phát triển thị trường sản phẩm trên địa bàn huyện và là nguồn cung lao động lớn để đáp ứng nhu cầu lao động ngày càng tăng.

**Phần thứ ba**

**ThỰc trẠng PHÁT TRIỂN NÔNG**

**NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

**I. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN 2010-2015**

Giai đoạn 2010 - 2015, bên cạnh những thuận lợi, sản xuất nông nghiệp của huyện cũng gặp rất nhiều khó khăn: Tình hình thời tiết diễn biến hết sức phức tạp, khó lường đã làm ảnh hướng đến tiến độ gieo trồng, cũng như quá trình sinh trưởng phát triển và năng suất của lúa cũng như các loại rau màu; dịch bệnh trên đàn vật nuôi đặc biệt là lở mồm long móng gia súc vẫn còn xảy ra ở một số xã; giá các loại vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y luôn tăng cao, trong khi giá sản phẩm nông sản tăng chậm, không ổn định, một số mặt hàng nông sản xuống giá thấp. Tuy nhiên được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện; sự hỗ trợ tích cực của các Sở, ngành; sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, cùng với sự nỗ lực của bà con nông dân nên sản xuất nông nghiệp của huyện vẫn đạt kết quả khá.

Tổng thu nhập của ngành nông nghiệp năm 2010 là 229,637 tỷ đồng trong cơ cấu các ngành kinh tế, năm 2015 là 385,63 tỷ đồng, chiếm 39,54%; tăng trưởng kinh tế nông nghiệp hàng năm ở mức khá cao (bình quân 11,3%). Trong đó, trồng trọt tăng 11,71%/năm, chăn nuôi tăng 9,27%/năm, thủy sản tăng 9,32%/năm.

Kết quả cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

**1. Về trồng trọt**

- Cây lúa nước: Tổng diện tích lúa nước toàn huyện là 1.535 ha trong đó diện tích lúa nước 2 vụ là 737 ha, cơ cấu bộ giống lúa chủ lực là lúa thuần VND9520, HT1, còn Lúa lai (Nhị ưu 838, Nghi hương 2038) chiếm 20% diện tích. Năng suất lúa nước bình quân toàn huyện đạt 54,3 tạ/ha. Tuy nhiên chỉ ở một số xã, Sa Nhơn, Sa Sơn, Sa Nghĩa, Sa Bình, Thị trấn có năng suất đạt trên 54 tạ/ha, còn các xã khác như Mô Rai, Rờ Kơi, Ya Tăng năng suất dưới 50 tạ/ha. Nguyên nhân chủ yếu là do kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, chưa áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, vẫn còn sử dụng các giống lúa năng suất thấp, chất lượng giống không đảm bảo.

- Cây ngô: Diện tích ngô toàn huyện 203 ha tập trung chủ yếu vào vụ mùa hàng năm. Phân bố chủ yếu ở các vùng bán ngập lòng hồ thuỷ điện Yaly. Hầu hết người dân sử dụng các giống ngô lai vào sản xuất. Tuy nhiên, đất canh tác ngày càng bị rửa trôi kém độ màu mỡ, phần lớn nông dân chưa chú trọng đến kỹ thuật canh tác cũng như đầu tư chăm sóc nên năng suất còn thấp.

- Cây sắn: Diện tích sắn trong những năm qua giảm nhẹ, từ 7.929 ha năm 2010 xuống 7.464 ha năm 2015. Hầu hết diện tích đều sử dụng giống KM94. Trong quá trình canh tác do không đầu tư hoặc đầu tư rất thấp phân bón, ít áp dụng các biện pháp canh tác bền vững hạn chế xói mòn, rửa trôi nên đất ngày càng suy thoái. Một số diện tích đất trồng sắn bạc màu nhân dân đã chuyển đổi sang trồng cây cao su, bời lời. Để hỗ trợ cho việc tiêu thụ sản phẩm sắn, huyện đã kêu gọi đầu tư 2 Nhà máy chế biến tinh bột sắn với tổng công suất 260.000 tấn/năm.

- Cây cà phê: Tổng diện tích 1.198 ha, diện tích kinh doanh đạt 62% (745 ha). Những năm gần đây giá cà phê tương đối ổn định nên nhân dân có sự đầu tư đối với cây cà phê, mở rộng trồng mới tại những nơi thuận lợi về đất đai, nước tưới.

- Cây cao su: Diện tích cây cao su tiểu điền tăng 1.723 ha, năm 2010 là 4.269 ha lên 5.992 ha năm 2015. Nguyên nhân tăng do giá mủ tăng cao vào các năm 2012, 2013, người dân chuyển đổi một số diện tích cây trồng kém hiệu quả, đất canh tác bạc màu, tận dụng diện tích đất có khả năng sản xuất nông nghiệp sang trồng cây cao su.

- Cây bời lời: Năm 2015 là 2431 ha, tăng 989 ha so với năm 2010 (1.442 ha), diện tích cây bời lời tăng mạnh do là loại cây dễ trồng, mức đầu tư thấp, có thể trồng tận dụng những diện tích nhỏ, diện tích không phù hợp với một số trồng khác như cây cao su, cà phê… Bên cạnh đó, giá cả thị trường tương đối ổn định và có hiệu quả nên người dân mạnh dạn chuyển đổi những diện tích canh tác cây hàng năm đã bạc màu sang trồng cây bời lời.

**2. Về chăn nuôi**

Do diện tích đất nông nghiệp và đất giành cho chăn nuôi ngày càng bị thu hẹp nên ảnh hưởng lớn đến việc phát triển đàn vật nuôi. Chăn nuôi đại gia súc như trâu, bò giảm dần, trong khi chăn nuôi lợn, gia cầm có xu hướng tăng nhưng không ổn định. Tuy nhiên do thay đổi phương thức chăn nuôi nhiều giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất, rút ngắn thời gian chăn nuôi nên năng suất, sản lượng chăn nuôi của huyện vẫn tăng qua các năm, kết quả chăn nuôi đạt được như sau:

- Đàn bò: 6.171 con, giảm 2.330 con;

- Đàn trâu: 549 con, giảm 10 con;

- Đàn lợn: 11.281 con, tăng 1.600 con;

- Đàn gia cầm: 61.964 con; tăng 19.700 con.

**3. Sản xuất thủy sản**

Thực hiện Chương trình phát triển kinh tế của huyện với chủ trương phát huy lợi thế nhiều sông, suối, ao hồ, lòng hồ thuỷ điện để nuôi trồng, khai thác nguồn lợi thuỷ sản, từ năm 2006 đến nay huyện đã đầu tư thực hiện các mô hình chuyển giao kỹ thuật nuôi trồng và đánh bắt thủy sản cho người dân. Năm 2015 tổng diện tích nuôi trồng thuỷ sản 70 ha, sản lượng nuôi trồng ước đạt 283 tấn, sản lượng đánh bắt cá tự nhiên tại sông suối và các lòng hồ ước đạt 250 tấn. Đã hình thành vùng đánh bắt cá tập trung tại một số xã vùng lòng hồ thủy điện.

**4.** **Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp**

Nhận rõ vai trò hết sức quan trọng hàng đầu của ngành nông nghiệp là đã đảm bảo được an ninh lương thực, trong những năm qua Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã quan tâm đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn, giúp nông dân làm giàu từ mảnh đất của mình, bằng các biện pháp đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp. Hàng năm huyện đã đầu tư hỗ trợ đưa các giống cây rau màu, lúa tiến bộ, các cây, con mới có chất lượng cao, năng suất ổn định vào sản xuất. Khuyến khích đầu tư các loại máy móc phục vụ cho sản xuất, từng bước đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, giảm thiểu sức lao động cho nông dân.

**5.** **Thực trạng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp**

- Về hệ thống giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp:Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện không ngừng được đầu tư, nâng cấp và mở mới, cơ bản bảo đảm lưu thông thuận lợi trong cả hai mùa (*trừ xã Mô Rai*). Một số tuyến đường giao thông nông thôn, đường liên xã, đường tuần tra biên giới được quan tâm đầu tư khá đồng bộ, tạo điều kiện giao thương và hợp tác phát triển. Phong trào "*Toàn dân tham gia làm đường giao thông nông thôn*" được triển khai rộng khắp trên địa bàn huyện; các đường, ngõ nhỏ ở đô thị và các tuyến đường ở những khu vực khó khăn được tập trung xây dựng đã mang lại hiệu quả thiết thực.Nhiều công trình thủy lợi đã được tu bổ, nâng cấp và xây mới, như: Thủy lợi Đăk Sia, đập thủy lợi Ya Tông 2 xã Ya Xiêr, thủy lợi Ya Rơ Be xã Ya Tăng, thủy lợi Đăk Nui 3, thủy lợi Ya Than xã Ya Tăng… Trên địa bàn huyện hiện có 63 công trình thủy lợi phục vụ sản xuất với tổng diện tích tưới theo thiết kế là 1.180,9 ha, trong đó: Lúa 1.006 ha (*diện tích tưới thực tế vụ Đông xuân là 482,5 ha*), cây công nghiệp và hoa màu 173,5 ha.

Được sự quan tâm của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện hàng năm đã bố trí kinh phí đầu tư cho phát triển nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi. Tuy nhiên mới chỉ đáp ứng được khoảng 80% nhu cầu đi lại, vận chuyển nông sản của người dân.

- Về hệ thống điện:Điện lưới đã đến 100% thôn, làng với 100% số hộ được sử dụng điện. Ngành điện đang tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng đường dây, cột điện, trạm biến áp... để phục vụ phát triển sản xuất và sinh hoạt. Thực hiện đảm bảo chính sách hỗ trợ tiền điện cho đối tượng hộ nghèo trên địa bàn.

- Về thông tin tuyên truyền: Bám sát các nhiệm vụ chính trị và các chương trình công tác của huyện, UBND huyện đã chỉ đạo các ngành, các cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền về các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương, tuyên truyền về các mục tiêu kinh tế- xã hội. UBND huyện đã giao phòng Văn hóa - Thông tin theo chức năng, nhiệm vụ chủ động xây dựng kế hoạch, tham mưu văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức đến với nhân dân toàn huyện đạt hiệu quả.

**II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THỜI GIAN QUA**

**1. Ưu điểm**

- Sản xuất nông nghiệp của huyện trong những năm qua có bước phát triển khá, năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi và thủy sản không ngừng được nâng lên.

- Phương thức sản xuất thâm canh tiếp tục có sự chuyển biến tích cực từ sản xuất nhỏ lẻ theo kiểu truyền thống sang sản xuất theo hướng hàng hóa.

- Sản xuất nông nghiệp ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất đã được các cấp, các ngành, hộ nông dân tiếp thu triển khai thực hiện. Nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng đã được đưa vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao trong trồng trọt, chăn nuôi đã được chú trọng đầu tư xây dựng mô hình điểm như: Mô hình trồng cao su tiểu điền, mô hình trồng cà phê, mô hình đưa các giống lúa mới vào sản xuất, mô hình nuôi cá lồng tại hồ thủy điện PleiKrong, mô hình sản xuất rau an toàn, mô hình trồng hoa ly, mô hình vỗ béo bò…góp phần hình thành các vùng sản xuất tập trung, tạo tiền đề cho việc phát triển nông nghiệp bền vững của huyện.

- Thông qua các mô hình đã tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và người sản xuất tiếp cận và nắm bắt được các tiến bộ khoa học kỹ thuật, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện theo hướng hàng hóa, hiện đại.

**2. Tồn tại và nguyên nhân**

**2.1. Tồn tại**

Mặc dù sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện trong những qua đã đạt được những kết quả khá, song bên cạnh đó vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định, cụ thể như:

- Cơ cấu cây trồng hiện nay chưa bền vững: Canh tác thiếu đầu tư cải tạo đất khiến đất bạc màu nhanh, quy mô canh tác còn manh mún, tự phát, không theo quy hoạch.

- Thị trường vật tư, phân bón tăng cao, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp không ổn định, biến động bất thường, làm cho nhân dân thiếu yên tâm đầu tư phát triển ở quy mô lớn.

- Năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của một số mặt hàng nông sản còn thấp, hiệu quả kinh tế chưa cao.

- Trình độ sản xuất nông nghiệp của người lao động còn hạn chế, việc chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất còn chậm, đặc biệt là công nghệ sau thu hoạch dẫn tới nông lâm sản có chất lượng thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Vì vậy giá nông sản bán ra thấp, thu nhập của người dân không cao.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn tuy đã được cải thiện nhưng vẫn trong trình trạng yếu kém, chưa đồng bộ nhiều xã vùng sâu, vùng xa đi lại còn khó khăn, nhất là vào mùa mưa. Đây cũng là nguyên nhân làm hệ thống dịch vụ nông thôn vùng sâu vùng xa không tiếp cận được với thị trường, tạo nên sự chênh lệch cao về mặt bằng giá cả, gây khó khăn trực tiếp cho người sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ở những vùng này.

**2.2. Nguyên nhân**

- Về khách quan:Điểm xuất phát kinh tế của huyện có quy mô nhỏ; trong khi nhu cầu đầu tư cho phát triển nông nghiệp lớn nhưng khả năng đáp ứng của các nguồn lực có hạn. Bên cạnh đó địa hình chia cắt, luôn bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Ruộng đất manh mún, sản xuất nhỏ lẻ vẫn phổ biến, kết hợp với tập quán canh tác theo kiểu truyền thống đã ăn sâu trong tâm trí người nông dân nên việc thay đổi phương thức cũng như nhận thức của người dân về sản xuất nông nghiệp áp ứng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế. Cơ sở hạ tầng nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu cho phát triển kinh tế của huyện; giá cả nông sản biến động lớn, rủi ro cao gây bất lợi cho người sản xuất. Đời sống người dân nông thôn khó khăn, khả năng tích lũy, tái đầu tư thấp.

- Về chủ quan:Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền huyện và xã nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu; khả năng tham mưu, đề xuất, cụ thể hoá chủ trương, chính sách còn hạn chế. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

Công tác lập quy hoạch quản lý đất đai còn chậm, chất lượng quy hoạch còn thấp; việc điều chỉnh, bổ sung, cập nhật quy hoạch sử dụng đất chưa kịp thời; năng lực quản lý, thực thiện quy hoạch còn yếu. Việc triển khai các chương trình, dự án chậm, hiệu quả chưa cao; công tác phối hợp giữa doanh nghiệp, người nông dân, người quản lý và nhà khoa học chưa được chặt chẽ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về sản xuất cho nông dân còn hạn chế; công tác thông tin về pháp luật, chính sách, thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chưa được coi trọng. Những giải pháp về giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nông dân hiệu quả chưa cao.

**Phần thứ tư**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘi dung và các GIẢI PHÁP**

**sẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG**

**I. QUAN ĐIỂM**

Phát triển nông nghiệp để nâng cao đời sống nông dân, là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Để phát triển nông nghiệp nâng cao đời sống nông dân phải khai thác triệt để tiềm năng lợi thế từng vùng của huyện về đất đai, lao động, vốn cho ngành nông nghiệp, trong đó cần chú trọng phát triển cây công nghiệp, cây có giá trị kinh tế cao, tính bền vững, ưu tiên áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; đẩy mạnh chăn nuôi đại gia súc, chăn nuôi theo hướng công nghiệp; đầu tư, khai thác hiệu quả về nguồn thủy sản các lòng hồ thủy điện trên địa bàn.

Phát triển nông nghiệp phải gắn với công nghiệp chế biến, kết nối thị trường tạo được sự ổn định cho đầu ra sản phẩm; nâng cao chất lượng dịch vụ cho nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cơ cấu lao động. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, xây dựng nông thôn mới nhằm giải quyết việc làm, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn.

Như vậy, phát triển nông nghiệp bền vững là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, tăng năng suất, chất lượng và sản lượng cây trồng trên đơn vị diện tích mà không làm tổn hại đến tài nguyên thiên nhiên.

Chuyển dần các vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên canh sang sản xuất nông nghiệp tăng giá trị các sản phẩm nông nghiệp; tận dụng các nguồn lợi của từng vùng mà phát huy thế mạnh của vùng, đầu tư thâm canh mang lại hiệu quả cao nhất. Chuyển đổi vùng đất trũng, các vùng trồng lúa năng suất thấp, sang các mô hình phát triển có giá trị kinh tế cao.

Phát triển nông nghiệp cần có sự kết hợp hài hòa giữa 4 nhà: nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông. Các cấp chính quyền, các ngân hàng, các doanh nghiệp tư nhân cần có những chính sách hỗ trợ về vốn, các ngân hàng hỗ trợ vay vốn lãi suất thấp, các doanh nghiệp thu mua các sản phẩm nông nghiệp không qua thương lái mà thu mua trực tiếp của người dân giúp bình ổn giá nông sản, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật cho nông dân và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp.

Nâng cao vai trò của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở từng xã, thị trấn vào việc thực hiện dồn điền đổi thửa tạo "mặt bằng" thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp, đưa cơ giới vào sản xuất nông nghiệp.

Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, hiệu quả, bền vững. Phát huy lợi thế từng vùng; hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, vùng nông nghiệp có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả cao trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật và gắn với thị trường. Phát triển mạnh chăn nuôi, thuỷ sản gắn với an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường; khai thác hiệu quả đất đai, trong đó chú trọng vùng chưa sản xuất hoặc sản xuất không hiệu quả, vùng đã đầu tư các công trình thủy lợi, lòng hồ thủy điện.

Tăng đầu tư, hỗ trợ cho nông nghiệp, trong đó tập trung hỗ trợ phát triển cây công nghiệp dài ngày, cây công nghiệp ngắn ngày; hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc, tạo điều kiện để phát triển các trang trại theo hướng tập trung; hỗ trợ kết nối thị trường, bao tiêu sản phẩm. Đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội cho nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển của huyện.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Tốc độ tăng trưởng bình quân trên 10,93%/năm.

- Tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của huyện 35%. Trong đó: Tỷ trọng ngành trồng trọt 87%; chăn nuôi 11%; thủy sản 2%*.*

*-* Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 40 triệu đồng; ổn định việc làm cho 16.000 đến 22.000 lao động.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 6%/năm.

- Chỉ tiêu về nông nghiệp:

+ Trồng trọt: Diện tích gieo trồng, năng suất bình quân một số cây trồng chủ yếu: Lúa nước vụ Đông xuân 700 ha, năng suất đạt 6,5 tấn/ha; lúa nước vụ mùa 800 ha, năng suất đạt 5,2 tấn/ha; ngô 900 ha, năng suất đạt 5 tấn/ha; sắn 8.000 ha, năng suất đạt 16 tấn/ha; cao su 11.600 ha;năng suất đạt 1,6 tấn/ha; cà phê 1.340 ha, năng suất đạt 2,5 tấn/ha; mía 300 ha, năng suất đạt 65 tấn/ha; bời lời 3.000 ha.

+ Chăn nuôi: Tổng đàn trâu 700 con, đàn bò 9.500 con (*trong đó đàn bò được lai hóa chiếm trên 50% tổng đàn*), đàn lợn 15.000 con, gia cầm 56.000 con.

+ Công tác quản lý bảo vệ rừng: 30-50% số thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số sống ven rừng tham gia công tác quản lý bảo vệ rừng kết hợp với phát triển một số cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng; nâng độ che phủ rừng lên 63% (không tính diện tích cây đa mục tiêu trồng trên đất lâm nghiệp).

+ Thủy sản: Phấn đấu đến năm 2020 nâng diện tích ao nuôi thủy sản đạt 320 ha, trong đó: diện tích nuôi ao hồ nhỏ là 70 ha, hồ chứa mặt nước lớn và vừa là 250 ha; 30-50% thôn, làng tại các xã vùng lòng hồ thủy điện có điều kiện khai thác, đánh bắt thủy sản.

**III. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN**

**1. Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp**

**1.1. Về trồng trọt**

- Cây lúa: Tiếp tục đầu tư thâm canh, sử dụng có hiệu quả đất trồng lúa nước hiện có. Chuyển một số diện tích lúa không chủ động nước sang trồng cây hàng năm trên đất trồng lúa thiếu nước vụ Đông xuân (*Sắn, ngô, cỏ chăn nuôi gia súc…*). Cải tạo, nâng cao năng lực tưới nước và khai thác tối đa các công trình thuỷ lợi hiện có, tận dụng hết diện tích đã khai hoang của các công trình thủy lợi đem vào sản xuất. Xây dựng thêm các công trình thuỷ lợi khác tại các xã có khả năng mở rộng diện tích lúa nước để mở rộng diện tích lúa phấn đấu đạt 800 ha lúa vụ Mùa và 700 ha lúa vụ Đông xuân vào năm 2020.

Cùng với việc mở rộng diện tích, đặc biệt cần xác định ứng dụng các giống lúa có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu cao vào sản xuất phù hợp cho từng tiểu vùng sinh thái, từng vụ. Duy trì tỷ lệ lúa lai hợp lý, đồng thời nâng cao tỷ lệ lúa chất lượng cao trong cơ cấu giống như giống Bắc thơm, Việt đài, VD 20…

Tập trung công tác chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, phân bón, kỹ thuật canh tác nhằm đưa năng suất bình quân vụ Đông xuân đạt trên 65 tạ/ha, vụ mùa đạt trên 52 tạ/ha vào năm 2020.

- Cây ngô: Ngoài việc canh tác trên đất nương rẫy, cần chú trọng phát triển trên cơ sở tận dụng đất lúa 1 vụ, đất nà thổ, diện tích đất bán ngập lòng hồ Yaly, PleiKrông, chuyển đổi diện tích ruộng thiếu nước sang trồng ngô đến năm 2020 diện tích canh tác 900 ha.

Chú trọng các quy trình kỹ thuật đầu tư thâm canh, trên 95% diện tích gieo trồng sử dụng các giống như: LVN 10, DK 888, DK 999 …. Đến năm 2020 năng suất ngô đạt bình quân 50tạ/ha.

- Cây sắn: Duy trì ổn định diện tích canh tác 8.000 ha để đảm bảo nguyên liệu cung cấp cho 2 nhà máy chế biến tinh bột sắn. Tập trung đầu tư thâm canh với các giống năng suất cao như KM94, KM419, KM140. Phấn đấu tăng năng suất lên 160 tạ/ha. Cần chú trọng cải tạo đất bằng cách trồng xen với cây họ đậu, (lạc, các loại đậu), đầu tư phân hữu cơ, luân canh đất trồng sắn với các cây ngắn ngày khác. Nhằm mục đích vừa đảm bảo năng suất vừa đảm bảo sự bền vững trong nông nghiệp. Ngoài ra phát triển khoảng 100 ha diện tích sắn trồng xen các loại cây họ đậu ở xã Ya Xiêr, Sa Bình, Rờ Kơi.

- Cây mía: Tập trung phát triển diện tích trồng mía ở những vùng đất có điều kiện về giao thông. Trên cơ sở đầu tư thâm canh và chọn những giống mía có năng suất, chất lượng và có khả năng chịu hạn chống chịu sâu bệnh như các giống MY 5514, ROC 10, ROC 14, Quế đường. Bố trí ở những xã như Sa Bình, Mô Rai, Rờ Kơi. Đến năm 2020 diện tích trồng mía đạt 300 ha, năng suất 65 tấn/ha.

- Cây cao su: Duy trì ổn định diện tích canh tác 11.600 ha vào năm 2020, tập trung đầu tư chăm sóc, phấn đấu năng suất đạt 1,6 tấn/ha.

- Cây cà phê: Duy trì và mở rộng diện tích những nơi thuận lợi đối với cây cà phê nhất là về nguồn nước (Hơ Moong, Rờ Kơi, Sa Bình, Sa Nghĩa) đến năm 2020 diện tích cây cà phê đạt 1.340 ha, năng suất đạt 2,5 tấn/ha. Áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào các khâu chăm sóc, thu hái, bảo quản và hệ thống chế biến để đảm bảo chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Khoanh lại vùng sản xuất cà phê để đảm bảo khả năng tưới hiệu quả nhất.

- Cây ăn quả: Trong vùng thích hợp trồng các loại cây như sầu riêng, bơ, xoài, mít…Do không được phục tráng nên hiện nay nhiều loài cây bị thoái hóa. Trong thời gian tới cần cải tạo vườn tạp, nhất là vườn tại các làng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phát triển một số loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương. Hỗ trợ các loại cây ăn quả, tùy theo tính chất khí hậu thời tiết để đưa các loại cây trồng phù hợp với từng vùng, từng xã. Xây dựng mô hình chuyển đổi một số diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả.

- Cây bời lời: Tiếp tục vận động nhân dân trồng bời lời ở những diện tích canh tác cây nông nghiệp đã bạc màu, diện tích manh mún không phù hợp cây công nghiệp. Đến năm 2020 diện tích bời lời đạt 3.000 ha góp phần nâng độ che phủ rừng lên 68%.

**1.2. Về chăn nuôi**

Duy trì và phát triển đàn gia súc đến năm 2020 đàn Trâu 700 con, bò 9.500 con, đàn lợn (heo) trên 2 tháng tuổi:15.000 con, gia cầm 56.000 con. Tập trung xây dựng các mô hình chuyển giao kỹ thuật trong chăn nuôi qua đó nâng cao chất lượng đàn vật nuôi, lai tạo sind hóa đàn bò đạt tỷ lệ lai tạo trên 50% tổng đàn. Phát triển đàn lợn theo hướng nạc.

**1.3. Về thủy sản**

Ứng dụng và mở rộng diện tích nuôi cá thâm canh (nuôi lồng, bè) có sử dụng thức ăn công nghiệp đối với một số đối tượng nuôi chính như chép, trắm cỏ, rô phi đơn tính, diêu hồng. Nuôi thử nghiệm một số đối tượng có giá trị kinh tế: bống tượng, cá ba sa, cá chình, cá chim trắng, cá lăng...Đồng thời khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản trên các lòng hồ thủy điện thác nhằm tận dụng tối đa nguồn nước và khả năng nuôi trồng thủy sản. Đến năm 2020 diện tích nuôi trồng 70 ha. Phát triển một số làng nghề đánh bắt cá vùng lòng hồ thủy điện (Hơ Moong, Ya Ly, Ya Xiêr, Sa Bình).

**1.4. Công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng**

- Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 3 loại rừng gồm: Rừng sản xuất (có rừng trồng bao gồm rừng nguyên liệu giấy, lâm sản ngoài gỗ), rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Đẩy mạnh việc giao, cho thuê rừng và đất rừng cho các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn; Khuyến khích các chủ rừng phát triển kinh tế rừng bền vững trên diện tích rừng và đất rừng đã được nhà nước giao. Ưu tiên khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng tự nhiên có nguy cơ xâm hại cao.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách để đảm bảo các chủ rừng có đủ trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích thực sự từ rừng và hoạt động nghề rừng trên diện tích được Nhà nước giao; Thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích hộ gia đình nhận đất, nhận rừng để hưởng lợi từ rừng, chuyển đổi tập quán canh tác nương rẫy luân canh truyền thống sang trồng rừng thâm canh, luân canh rừng, nương rẫy và trồng rừng phân tán, nâng cao hiệu quả sử dụng đất như áp dụng các mô hình nông lâm kết hợp để phát triển rừng, triển khai xây dựng một số mô hình trồng cây dược liệu, thảo quả dưới rừng.

- Tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để khuyến khích các chủ rừng và người dân tham gia trồng rừng sản xuất bằng những cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp như: hỗ trợ cơ sở hạ tầng và dịch vụ trồng rừng; cho vay vốn với lãi suất ưu đãi để đầu tư trồng rừng suốt chu kỳ kinh doanh; liên doanh liên kết với các doanh nghiệp chế biến trồng rừng kết hợp tiêu thụ sản phẩm.

- Chọn giống, xác định cơ cấu các loài cây trồng rừng phù hợp với điều kiện lập địa của huyện, trồng rừng nguyên liệu theo hướng thâm canh với các loài cây mọc nhanh để cung cấp gỗ nhỏ, gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến bột giấy.

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân gây nuôi sinh sản, sinh trưởng một số loài động vật hoang dã trên địa bàn.

**1.5. Xây dựng một số mô hình trình diễn điểm**

- Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn áp dụng quy trình quản lý cây trồng tổng hợp ICM, quy trình VietGap: 06 ha, kinh phí dự kiến 849 triệu đồng.

- Xây dựng mô hình trồng cây ăn quả chất lượng cao trồng xen cây dược liệu: 20 ha, kinh phí dự kiến 5.058,2 triệu đồng.

- Xây dựng mô hình trồng cây sa nhân tím dưới tán rừng: 40 ha, kinh phí dự kiến 2.787,5 triệu đồng.

- Xây dựng mô hình trồng thâm canh cây sắn bền vững: 40 ha, kinh phí dự kiến 1.070 triệu đồng.

- Hỗ trợ thuyền, lưới đánh bắt cá cho hộ đồng bào DTTS các xã khu vực lòng hồ: 1.268 triệu đồng.

*(Có các biểu chi tiết kèm theo)*

**3. Tuyên truyền, tập huấn và đào tạo nguồn nhân lực**

- Thông tin, tuyên truyền các tiến bộ khoa học kỹ thuật về nông nghiệp cho nông dân trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tập huấn chuyển giao tiến bộ KHKT về giống, quy trình thâm canh cây trồng, vật nuôi.

- Tổ chức các lớp đào tạo tập huấn khoa học công nghệ về sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật chủ chốt của huyện, xã và người sản xuất trong các trang trại.

**IV. giẢi pháp thỰc hiỆn**

**1. Công tác tuyên truyền, vận động**

Trên cơ sở quy hoạch, định hướng phát triển, các ngành, các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến để cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp; xác định vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc phát triển nông nghiệp là yếu tố quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội và nâng cao đời sống của người dân nông thôn; vận động tạo điều kiện quảng bá để thu hút đầu tư; kết nối thị trường; triển khai nhân rộng mô hình tiến bộ khoa học công nghệ để tăng năng xuất, hiệu quả sản xuất nông nghiệp của huyện.

Thường xuyên đăng tin, bài, các chuyên mục về thành tựu nghiên cứu, ứng dụng, mô hình và sản phẩm nông nghiệp có hiệu quả trên địa bàn huyện trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân biết, tham khảo học tập và ứng dụng

**2. Quy hoạch**

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 gắn với quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh Kon Tum và công nghiệp chế biến nông sản của huyện. Giữ ổn định diện tích cây công nghiệp dài ngày hiện có (diện tích cao su, cà phê); phát huy lợi thế của từng vùng, trong đó mở rộng diện tích cao su, cà phê của huyện tại các xã Mô Rai, Rờ Kơi, Ya Tăng và phát triển cây hồ tiêu, cà phê ở xã Hơ Moong.

Rà soát lại diện tích trồng sắn ở vùng đất dốc, xói mòn, khó thâm canh để có khế hoạch chuển sang trồng cây khác hiệu quả kinh tế cao hơn (cao su, cà phê, hồ tiêu, bời lời…). Thống kê việc sử dụng đất khu tưới các công trình thủy lợi đã đầu tư để có kế hoạch sử dụng đất phù hợp, chuyển đổi sang trồng cây khác đối với các vùng thường xuyên bị hạn, thiếu nước tưới. Phối hợp chặt chẽ với các nhà máy thủy điện trong việc điều tiết nước đảm bảo sản xuất cho nhân dân vùng bán ngập. Quy hoạch vùng nguyên liệu để thu hút đàu tư phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng tập trung trang trại công nghiệp. Quy hoạch phát triển một số làng nghề đánh bắt cá vùng lòng hồ thủy điện.

**3. Quản lý đất đai**

Tăng cường công tác quản lý đất đai và rà soát lại quỹ đất hiện có để xây dựng kế hoạch sử dụng đất có hiệu quả. Đẩy mạnh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quản lý tốt các dữ liệu về đất đai và việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Khuyến kích tích tụ, thuê đất để tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp, từng bước hình thành một số khu sản xuất tập trung lớn có tính lan tỏa và nhân rộng trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác vận động nhân dân đầu tư phát triển nông nghiệp, trong đó thông qua hình thức góp vốn, góp quyền sử dụng đất, tạo được mối liên hệ có lợi giữa người dân và doanh nghiệp.

**4. Khoa học công nghệ**

Chú trọng ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; rà soát việc sử dụng giống, quy trình canh tác để có kế hoạch sản xuất cho phù hợp. Tăng cường công tác thâm canh, tăng năng suất cây trồng. Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp có tiềm năng vè vốn, khoa học để đầu tư trên địa bàn, tạo được cánh đồng mẫu lớn, có năng suất chất lượng cạnh tranh cao và có đầu ra ổn định. Đẩy mạnh việc đầu tư chuyển giao khoa học kỹ thật, các nghiên cứu đã được công nhận tại các trường Đại học, Viện nghiên cứu, Sở khoa học để áp dụng tại huyện. Phát triển mạnh các mô hình khuyến nông, khuyến lâm, hình thành các mô hình ứng dụng trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi để tạo điều kiện phát triển ngành nông nghiệp của huyện theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Tăng cường cơ giới hóa trong nông nghiệp và chế biến sau thu hoạch để tăng năng suất, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp của huyện.

- Tập trung các giải pháp thực hiện lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn các chương trình, dự án của Trung ương, tỉnh, huyện để hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp trong đó chú ý hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, phân bón để phát triển nông nghiệp; chuyển đổi sang trồng cây khác có hiệu quả, giá trị kinh tế cao hơn.

Vận dụng tốt chính sách đầu tư để các doanh nghiệp đến đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và đầu tư cơ sở chế biến sản phẩm; tạo điều kiện kết nối thị trường, thông tin thị trường để tránh rủi ro cho người sản xuất. lồng ghép đầu tư, mở rộng, nâng cấp cơ sở hạ tầng của huyện, trong đó chú trọng đầu tư hệ thống giao thông, điện sản xuất, các công trình thủy lợi…

Thực hiện có hiệu quả chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất của Trung ương và một số chương trình hỗ trợ của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nhất là sử dụng có hiệu quả nguồn đầu tư chương trình giảm nghèo Tây nguyên và các chương trình hỗ trợ khác về phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Tạo điều kiện cho các hoạt động tín dụng, các ngân hàng thương mại trên địa bàn để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và các doanh nghiệp có vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh; tăng cường hiệu quả hoạt động của Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện, giúp cho người nghèo tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi, phát triển sản xuất.

**6. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn**

Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn; trong đó lồng ghép có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình về nông thôn mới; chương trình giảm nghèo bền vững.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo gắn với nhu cầu đào tạo nghề; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư dạy nghề kết hợp với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, phát triển dịch vụ nông thôn để phát triển nông nghiệp, hình thành các làng nghề; thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho người nông dân về nông nghiệp, kỹ thuật chăm sóc cây trồng, ngành nghề nông thôn, thương mại dịch vụ sản xuất, bảo quản chế biến, tiêu thụ sản phẩm, kỹ năng quản lý kinh tế.

**Phần thứ năm:**

**DỰ KIẾN VỐN ĐẦU TƯ VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN**

**I. Kinh phí thực hiện đề án**

**1. Vốn đầu tư**

Tổng kinh phí thực hiện đề án: 11.032,7 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 9.129,2 triệu đồng;

- Vốn đối ứng tự có của dân, vốn vay ngân hàng: 1.903,5triệu đồng.

**2. Phân kỳ nguồn ngân sách hỗ trợ**

- Năm 2017: 1.600 triệu đồng

- Năm 2018: 2.971 triệu đồng

- Năm 2019: 3.183 triệu đồng

- Năm 2020: 3.278,7 triệu đồng

**3. Nguồn kinh phí**

Chương trình giảm nghèo bền vững: 6,8 tỷ đồng, nguồn kinh phí này giao hàng năm là 3,4 tỷ đồng. Ngân sách huyện (sự nghiệp kinh tế): 6 tỷ đồng, bình quân mỗi năm ngân sách huyện bố trí 1,5 tỷ đồng thực hiện đề án và huy động, lồng ghép các nguồn kinh phí khác để thực hiện.

**II. Hiệu quả của đề án**

**1. Hiệu quả xã hội**

Đề án được thực hiện sẽ góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp của huyện phát triển theo hướng nông nghiệp hàng hóa, hiệu quả và bền vững; góp phần nâng cao trình độ thâm canh canh của người sản xuất, chuyển đổi tập quán canh tác theo lối công nghiệp, phù hợp với nền kinh tế thị trường; làm gia tăng giá trị sản xuất, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động, góp phần tích cực vào chương trình xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, còn góp phần tích cực trong việc bảo vệ môi trường, hạn chế những tác động xấu do sản xuất nông nghiệp gây ra (tồn dư hóa chất, thuốc BVTV trong trồng trọt; chất thải trong chăn nuôi, mầm bệnh trong chăn nuôi, thủy sản).

**2. Hiệu quả kinh tế**

- Áp dụng các tiến bộ các tiến bộ kỹ thuật về giống, cùng các quy trình công nghệ canh tác tiên tiến, nên năng suất cây trồng, vật nuôi không ngừng được nâng lên, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

- Chất lượng sản phẩm nông sản đảm bảo, làm tăng giá trị sản phẩm, tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích.

**Phần thứ sáu:**

**TỔ chỨc thỰc hiỆn**

**1.** Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường tuyên truyền, tập huấn chuyển giao tiến bộ KHKT cho nông dân; xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp để nhân rộng trong sản xuất.

- Tham mưu thành lập Ban chỉ đạo Đề án. Định kỳ báo cáo UBND huyện, Ban chỉ đạo tiến độ, kết quả thực hiện.

**2.** Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện:

Tổ chứctuyên truyền, phổ biến nội dung của Đề án trên các phương tiện thông tin đại chúng để chính quyền địa phương và người dân biết, thực hiện.

**3.** Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tham mưu cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Đề án.

**4.** Phòng Tài nguyên & Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các xã, thị trấn tham mưu xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các mô hình sản xuất, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

**5.** UBND các xã, thị trấn:

-Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án tại các xã, thị trấn.

- Quy hoạch và đầu tư xây dựng các cơ sở phục vụ sản xuất nông nghiệp của địa phương phù hợp với quy hoạch của huyện. Đầu tư nâng cấp các hệ thông giao thông đặc biệt là giao thông nội đồng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến các thôn, làng vận động thực hiện tốt các nội dung của đề án.

**6.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các đoàn thể phối hợp với Phòng NN&PTNT và các địa phương tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp bền vững của huyện giai đoạn 2016 - 2020.

**Phần thứ bảy:**

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. KẾT LUẬN**

Trong giai đoạn 2016 – 2021, huyện Sa Thầy tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng nông thôn mới, nông nghiệp là một trong những ngành mũi nhọn quan trọng của huyện giúp đưa kinh tế toàn huyện phát triển, từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, vật chất cho nhân dân.

Phát triển nông nghiệp bền vững là một giải pháp quan trọng, một hướng đi đúng đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Thúc đẩy phát triển nông nghiệp đạt kết quả cao là tiến đến sản xuất đạt được năng suất, chất lượng tiềm năng của mỗi cây, con giống; tạo ra các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có sức cạnh tranh trên thị trường. Thúc đẩy kinh tế của huyện phát triển, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

**2. KIẾN NGHỊ**

**2.1. Đối với HĐND huyện**

- Đề nghị HĐND huyện sớm phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện đầy đủ kịp thời cơ chế, chính sách khuyến kích hỗ trợ phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện và bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Đề án.

**2.2. Đối với UBND tỉnh**

- Đề nghị UBND tỉnh quan tâm đến giải pháp tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; có chính sách kêu gọi, thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư vào địa bàn huyện để nhân dân yên tâm đầu tư, phát triển sản xuất./.